

CHƯƠNG 1 / CHAPTER 1

TỔNG QUAN VỀ TÀI SẢN TRÍ TUỆ VÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

OVERVIEW OF INTELLECTUAL ASSET & INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS

NỘI DUNG CHƯƠNG 1

CHAPTER OUTLINE

Module 1: Tài sản trí tuệ /Intellectual asset

- Khái niệm (Concept)
- Đặc điểm (Characteristics)

Module 2: Quyền SHTT / Intellectual Property Rights

- Khái niệm (Concept)
- Đặc trưng (Characteristics)
- Sự cần thiết của bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (Rational of protection of IPR)
- Pháp luật SHTT (IP law system)



Lê Thị - FTU

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 1

READING MATERIALS

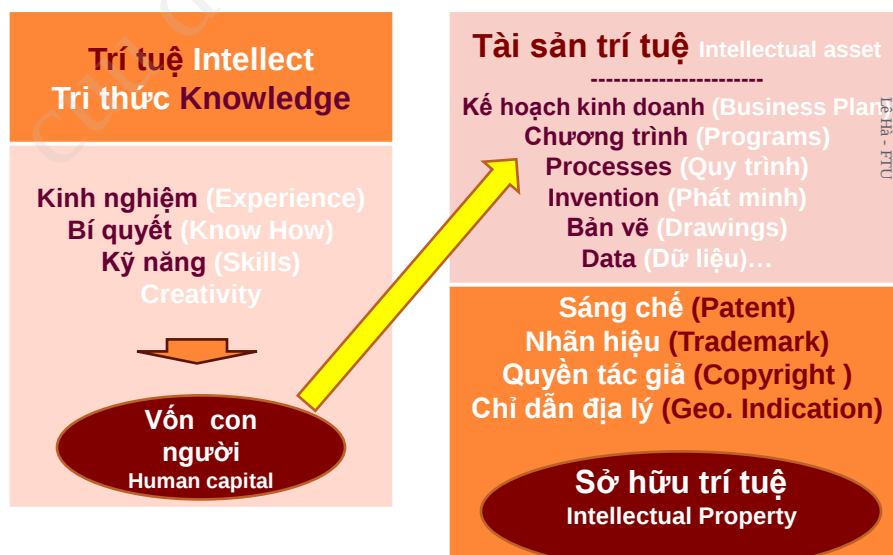
- Tài liệu bắt buộc/*Compulsory reading materials*
 - Chapter 1, Part I: The concept of IP, **WIPO Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use.**
 - Đào Minh Đức, **Tài sản vô hình và tài sản trí tuệ trong kinh doanh**
 - M Blakeney, **Basic concept of IP**
- Tài liệu nâng cao /*Suggested reading materials*
 - DR. PETER DRAHOS, **THE UNIVERSALITY OF INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS: ORIGINS AND DEVELOPMENT**
 - Giovanni Dosi, Joseph Stiglitz, **The Role of Intellectual Property Rights in the Development Process, with Some Lessons from Developed Countries: An Introduction**

Lê Hà - FTU

3

TÀI SẢN VÔ HÌNH

INTANGIBLE ASSETS



Lê Hà - FTU

TRÍ TUỆ / INTELLECT

Trí tuệ: là khả năng của con người nhằm thu thập, xử lý, lưu trữ và khái quát hóa thông tin (biến thông tin thành tri thức - knowledge) nhằm phục vụ cho một mục đích cụ thể.

- Intellect: Is an human ability to collect, process, store and generalizing information (transfer information into knowledge) for a particular purpose.

Lê Hà - FTU

5

TÀI SẢN / ASSET

Tài sản hữu hình



Tài sản vô hình

- Kinh nghiệm, kỹ năng, sáng tạo, bí quyết
 - Vốn con người (Human capital)
- Sáng kiến (idea), business strategy (chiến lược kinh doanh), business plan (kế hoạch kinh doanh), brand (thương hiệu), design (kiểu dáng), invention (phát minh)
 - Tài sản trí tuệ (Intellectual asset)

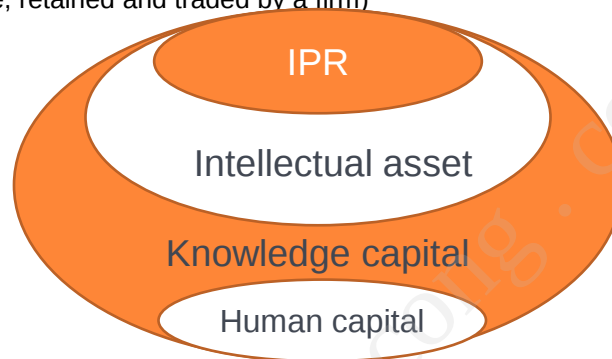
Lê Hà - FTU

6

INTELLECTUAL ASSET

KNOWLEDGE CAPITAL OR INTELLECTUAL CAPITAL ?

- Không tồn tại dưới dạng hữu hình /lack physical substance
- Có khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai (they are viewed as sources of probable future economic profits);
- Được thương mại hóa bởi doanh nghiệp (to some extent, they can be, retained and traded by a firm)



Lê Hà - FTU

7

EXERCISE

- Summarize “Intellectual Asset and Value creations”, OECD
- Assignment: Many companies said that “our people are our greatest asset”. Your opinion ?
- Đọc thêm: Đào Minh Đức, **Tài sản vô hình và tài sản trí tuệ trong kinh doanh**

Lê Hà - FTU

8

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS

- Intellectual property (IP) refers to creations of the mind: inventions, literary and artistic works, and symbols, names, images, and designs used in commerce

WIPO – What is IP ? (<http://www.wipo.int/about-ip/en/>)

- Intellectual property, very broadly, means the legal rights which result from intellectual activity in the industrial, scientific, literary and artistic fields.

WIPO Intellectual Property Handbook: Policy, Law and Use
(<http://www.wipo.int/export/sites/www/about-ip/en/iprm/pdf/ch1.pdf>)

Lê Hà - FTU
9

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS

- "Intellectual Property rights" means rights of organizations or individuals in intellectual property assets including copyright and rights neighboring on copyright, industrial property rights and rights in plant varieties .

Vietnam IPL, art 4.1



Lê Hà - FTU
10

VẤN ĐỀ: CÓ GÌ SÁNG TẠO ?

What is the creativity or inventiveness ?



Danh tiếng ?

- Có gì sáng tạo trong tên gọi “Evian”?
- Có gì sáng tạo trong tên gọi “Phú Quốc” vẫn tồn tại hàng trăm năm nay?
- Có gì sáng tạo trong một danh sách khách hàng được bảo mật của công ty ?



Lê Hà - FTU

QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS

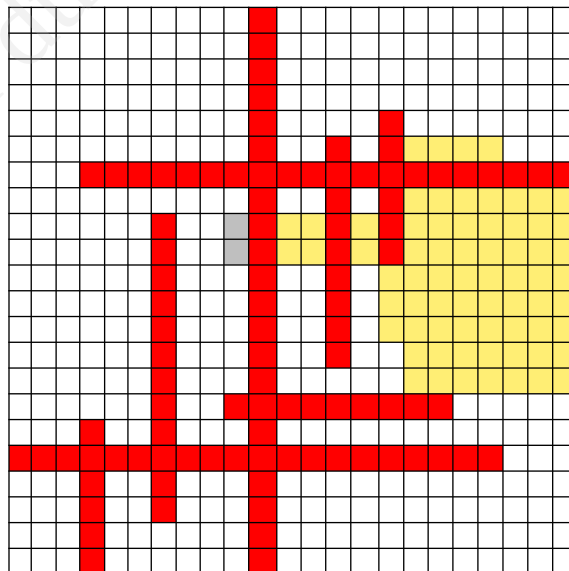


Lê Hà - FTU

- Quyền sở hữu trí tuệ là các quyền đối với các thành quả của hoạt động sáng tạo trí tuệ hoặc hoạt động đầu tư trong các lĩnh vực công nghiệp, khoa học, văn học và nghệ thuật
- Intellectual property right means the legal rights which result from intellectual activity and investment in the industrial, scientific, literary and artistic fields

13

EXERCICE: CÁC ĐỐI TƯỢNG SHTT



14

EXERCICE: CÁC ĐỐI TƯỢNG SHTT

1. This represents the property of your mind of intellect (across, 20 letters)
2. These rights automatically protect original layout designs for intergrated circuits, and computer chip. (across, 18 letters)
3. Information and materials of commercial or personnal value and kept secret from the general public (down, 22 letters)
4. Rights are used to protect new variety of plan by giving. These are exclusive commercial rights to market a new variety or its reproductive material. (down, 12 letters)
5. This protect the way manufactured products look (down, 6 letters)
6. This is a right granted for any device, substance, method or process, which is new, inventive and useful. (down, 6 letters)
7. This protect the original expression of ideas, not the ideas themselves. (down, 9 letters)
8. This can be a letter, number, words, phrases, sound, smell, shape, logo, picture, aspect of packaging or any combination of these things (across, 9 letters)

15

EXERCICE: CÁC ĐỐI TƯỢNG SHTT

- 1) A company wishes to ensure that no-one else can use their logo
- 2) A singer wishes to assign the rights to reproduce a video she made of her concert.
- 3) A new way to process milk so that there is no fat in any cheese made from it.
- 4) A company has decided to invest in packaging, which is distinctive, and they wish to ensure that they have sole use.
- 5) A company decides to use a logo that has the same shape as its competitor but with a different colour.

16

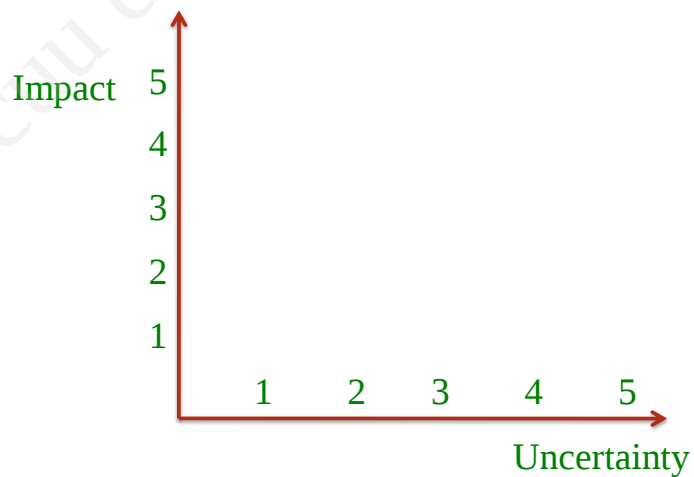
READING TEXTS

- M Blakeney, **Basic concept of IP**
- Chapter 1, Part I: The concept of IP, **WIPO Intellectual Property**

Lê Hà - FTU

17

SHTT TÁC ĐỘNG TỚI CUỘC SỐNG VÀ KINH
DOANH NTN ?



Lê Hà - FTU

18

ĐẶC TRƯNG CỦA QUYỀN SHTT CHARACTERISTICS OF IPR



Lê Hà - FTU

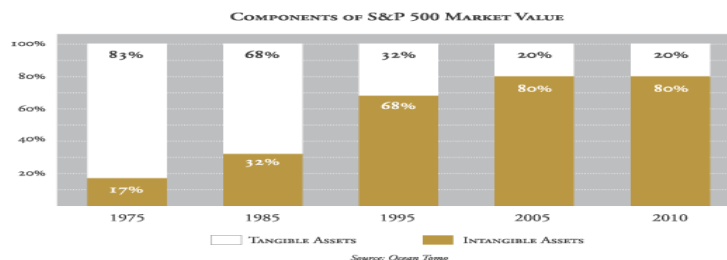
19

Mình hoạ những đặc trưng trên bằng các casestudy về QTG và QLQ

TÍNH ĐỒNG THỜI

- QSHTT tồn tại độc lập với hàng hóa/dịch vụ mà nó mang (IPR exist independently of the specific material good in which they are incorporated)
- Mọi sản phẩm và dịch vụ được bảo hộ đều chứa QSHTT (Every copy of protected product contains IPR)
- QSHTT làm cho TSVH trở nên hữu hình hơn (IP protection makes intangibles assets “a bit more tangible” by turning them into exclusive assets)

Lê Hà - FTU



20

TÍNH LÃNH THỔ (THE TERRITORIALITY)

- Không có QSHTT mang tính toàn cầu / There is no international IP system.
- Nguyên tắc: Luật mỗi quốc gia chỉ áp dụng và có hiệu lực ở quốc gia đó / the laws of one nation state apply only within that nation state
- Ngoại lệ: thỏa thuận, điều ước khu vực và quốc tế (regional or international treaties)

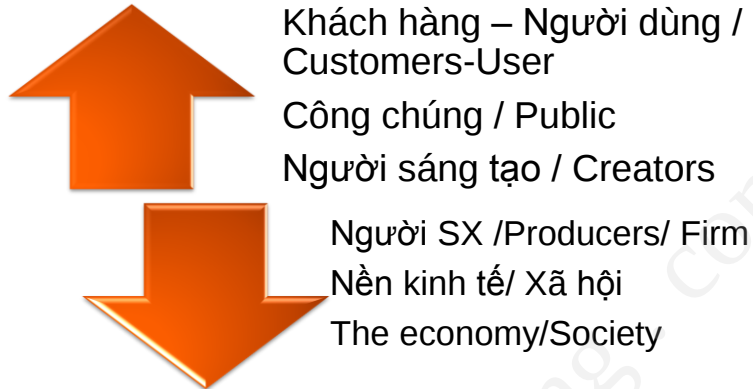
21

TÍNH ĐỘC QUYỀN (EXCLUSIVE RIGHTS)

- Exclusive = prerogative = độc quyền tạm thời (temporary monopoly)
- Được quy định bởi pháp luật chứ không phải là một quyền tự nhiên (Established by law)
- Giới hạn bởi thời gian, lãnh thổ và các ngoại lệ (Limited by time, by territory, by exceptions and limitations)
- Hết thời hạn bảo hộ, thuộc về công chúng (After that, IP protected belongs to public)

22

VAI TRÒ CỦA QUYỀN SHTT

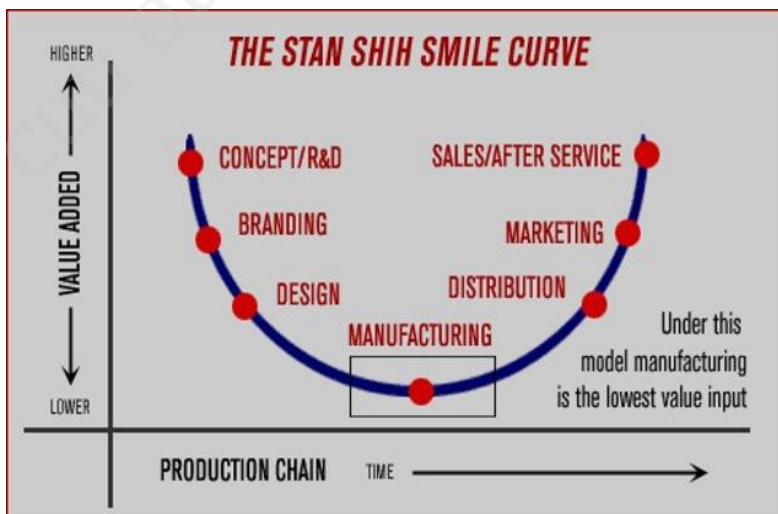


Lê Hà - FTU

Dabate on the role of IPR

23

VAI TRÒ CỦA IP TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ



Lê Hà - FTU

24

WELFARE EFFECTS FROM STRONGER IPR ENFORCEMENT

IPR	Market characteristic	Exemple of products	Welfare effects
Trademark	Consumers are misled	Pharmaceuticals chemicals, pesticides, vehicle replacement parts, foods and drink products, tobacco, electrical components, toys	Consumer: positive (especially where negative externalities are present) Producer: positive Economy: positive
	Consumers are not misled	Fashion apparel, footwear, handbags, personal	Consumer of counterfeit goods: negative Consumer of genuine goods: positive Producer: positive Economy: ambiguous
Copyright, patent and related rights	No demand linkage present	Designs (cars, tools, toys), industrial technology, literary works	Consumer of infringing goods: negative Consumer of original goods: ambiguous Producer: positive Economy: assuming standards of protection are socially optimal, ambiguous otherwise
	Demand linkage present	Certain types of computer software, patented technology that involves in to an industrial standard, audiovisual recording , DVD, CD and video play games	Consumer of infringing goods: negative Consumer of original goods: negative Producer: ambiguous Economy: ambiguous

Lê Hà - FTU

25

Carsten Fink, WIPO/ACE/5/6)

EVOLUTION OF IPR

- REFERENCE:
- Dr. Peter Drahos, **The Universality of Intellectual Property Rights: Origins and Development**

SỰ CẦN THIẾT BẢO HỘ QSHTT / RATIONALE OF IPR

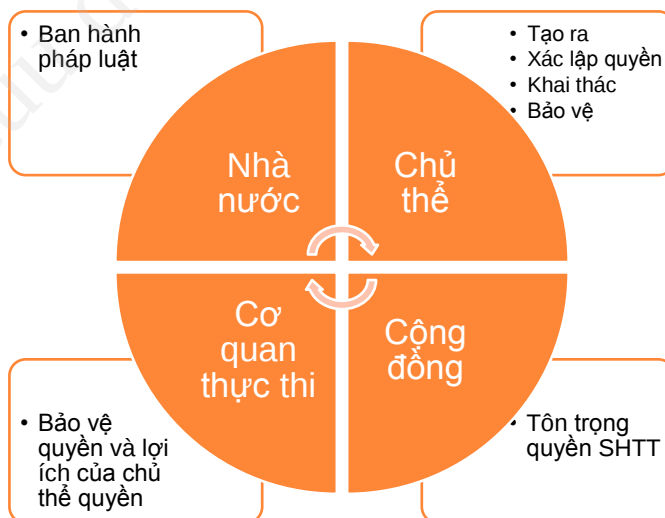
Tri thức và thông tin mang hai thuộc tính của hàng hóa công



27

BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

PROTECTION OF INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS



Lê Hà - FTU

28

HỆ THỐNG BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

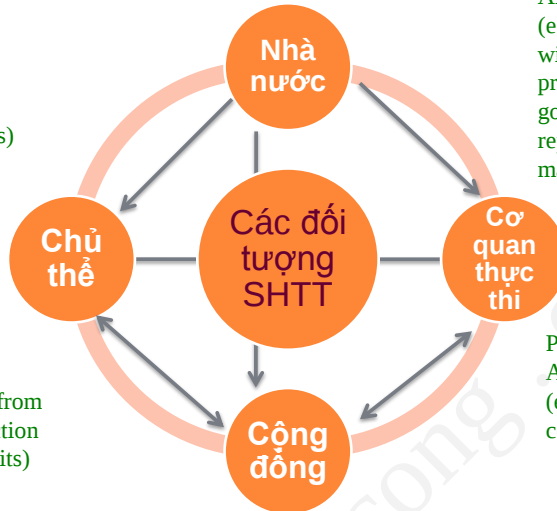
SYSTEM OF INTELLECTUAL PROPERTY RIGHTS

Facilitate IP
CREATION
(eg: patent
databases as
sources of
innovative ideas)

Support IP
APPROPRIATION
(eg: higher profits
with innovative
products, establish
goodwill and
reputation in the
market)

Provide IP
PROTECTION
(eg: protection from
illegal reproduction
and loss of profits)

Prevent IP
ABUSES
(eg: unfair
competition)



29

HỆ THỐNG PHÁP LUẬT SHTT

IP SYSTEM LEGISLATION

- Hiệp ước quốc tế của WIPO: 26
- Hiệp ước quốc tế của WTO: TRIPs
- Các hiệp định song phương và khu vực về SHTT
- Luật quốc gia:
 - Civil law
 - Common law

Lê Hà - FTU

30

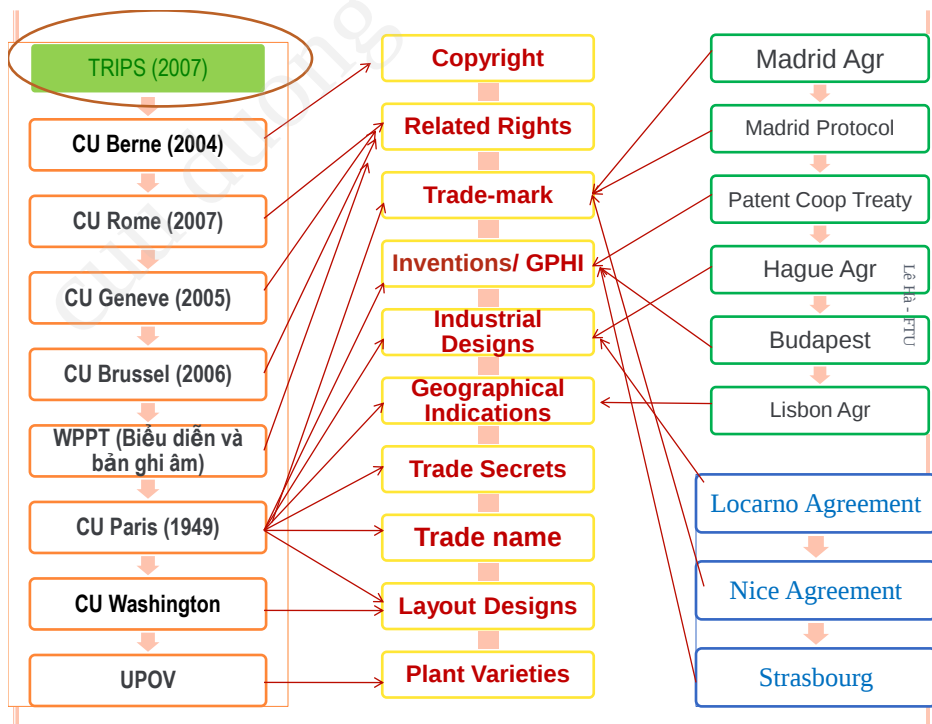
WIPO CONVENTIONS

IP Protection	Global Protection System	Classification
Berne Convention	Budapest Treaty	Locarno Agreement
Brussels Convention	Hague Agreement	Nice Agreement
Nairobi Treaty	Lisbon Agreement	Strasbourg
Madrid Agreement	Madrid Agreement	
Paris Convention	Madrid Protocol	
Patent Law Treaty	PCT	
Phonograms Convention		
Rome Convention		
Singapore Treaty on the Law of Trademarks		
Trademark Law Treaty		
Washington Treaty		
WCT & WPPT		

TRIPs - WTO

Lê Hà - FTU

31



MỐI QUAN HỆ TRIPS VÀ CÁC ĐUQT WIPO

- Incorporation of Paris and Berne conventions, Washington Agreement, Art 2,9 and 35 Trips
- Reference to Rome Conv, Art 2.2, 3

Lê Hà - FTU

33

NGUYÊN TẮC BẢO HỘ

PRINCIPLE OF IPR PROTECTION

Bảo hộ có mục đích
thúc đẩy hoạt động sáng tạo

Bảo hộ chọn lọc
Nguyên tắc cân bằng lợi ích của chủ sở hữu và của cộng đồng

Độc quyền
Exclusive's right

Bảo hộ có điều kiện
không đi ngược lại lợi ích xã hội
(Bulgaria- Senegal)

Bảo hộ có thời hạn

© Lê Hà - FTU

34

Homework: Minh họa mỗi ý 1 casestudy về Giống cây trồng

CASES TUDY: TRIPS

Article 7:

The protection and enforcement of intellectual property rights should contribute

- to the **promotion** of technological innovation and to the transfer and dissemination of technology,
 - to the **mutual advantage** of producers and users of technological knowledge and in a manner conducive to social and economic welfare, and to a balance of rights and obligations
- o (Điều 7) Việc bảo hộ và thực thi các quyền SHTT phải :
- góp phần **thúc đẩy** việc cải tiến, chuyển giao và phổ biến công nghệ,
 - góp phần đem lại lợi ích chung cho người tạo ra và người sử dụng kiến thức công nghệ, đem lại lợi ích xã hội và lợi ích kinh tế, và tạo sự cân bằng giữa quyền và nghĩa vụ.

Lê Hà - FTU

35

CASESTUDY: TRIPS

Article 8:

- o Members may adopt measures necessary to **protect public health and nutrition**, and to promote the **public interest** in sectors of vital importance to their socio-economic and technological development, provided that such measures are consistent with the provisions of this Agreement.
- o [...] các thành viên có thể thực hiện các biện pháp cần thiết để **bảo đảm vấn đề y tế và dinh dưỡng cho nhân dân**, và thúc đẩy **lợi ích công cộng** trong những lĩnh vực có tầm quan trọng sống còn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và công nghệ của mình, với điều kiện là các biện pháp đó không được trái với các quy định của Hiệp định.
- o [...] to prevent the abuse of intellectual property rights by right holders or the resort to practices which **unreasonably restrain trade or adversely affect** the international transfer of technology.
[...] ngăn chặn các hành vi gây cản trở hoạt động thương mại một **cách bất hợp lý hoặc gây ảnh hưởng xấu** đến việc chuyển giao công nghệ quốc tế.

Lê Hà - FTU

36

CASESTUDY: TRIPS

Article 27.2:

- Members may exclude from patentability inventions, the prevention within their territory of the commercial exploitation of which is necessary to protect *order public* or morality, including to protect human, animal or plant life or health or to avoid serious prejudice to the environment, [...]
- Các Thành viên có thể loại trừ **không cấp patent** cho những sáng chế cần phải bị cấm khai thác nhằm mục đích thương mại trong lãnh thổ của mình **để bảo vệ trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội**, kể cả để bảo vệ cuộc sống và sức khoẻ của con người và động vật hoặc thực vật hoặc để tránh gây nguy hại nghiêm trọng cho môi trường [...]

Lê Hà - FTU

37

PHÁP LUẬT QUỐC GIA VỀ SHTT NATIONAL LAW ON IPR

HIẾN PHÁP 1992

Công dân có quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt động văn hoá khác. Nhà nước bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp. (A60)

• BỘ LUẬT DÂN SỰ 2005

- PHÂN 6: QUYỀN SHTT VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ (Chương 34, 35 và 36)
- PHÂN 7: QUAN HỆ DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ 2005 6 PHẦN, 18 CHƯƠNG, 222 ĐIỀU

- Nghị định 100 về QTG
- Nghị định 103/2006 về quyền SHCN và ND 122/2010 sửa đổi
- Nghị định 103/2006 về giống cây trồng
- Nghị định 105/2006 và ND 119 sửa đổi ND 105 về bảo vệ quyền SHTT
- Nghị định 106 về xử phạt hành chính quyền SHCN
- Thông tư 01 /2007 hướng dẫn thi hành ND 103/2006 bổ sung bởi Thông tư 13/2010 ngày 30/7/2010 và Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011

Lê Hà - FTU

38

NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG

APPLICABLE LAW

1. Trong trường hợp có những vấn đề dân sự liên quan đến sở hữu trí tuệ không được quy định trong Luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự.
2. Trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về sở hữu trí tuệ của Luật này với quy định của luật khác thì áp dụng quy định của Luật này.
3. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.
 - Điều 5, Luật SHTT)

Lê Hà - FTU

39

THE NATIONAL LAW ON IPR

1992 Constitution

Công dân có quyền nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt động văn hoá khác. Nhà nước bảo hộ quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp.
(A60)

• 2005 CIVIL CODE OF VIETNAM

- PART 6: QUYỀN SHTT VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ (Chương 34, 35 và 36)
- PART 7: QUAN HỆ DÂN SỰ CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

LAW ON IP 2005

6 PARTS, 18 CHAPTERS, 222 ARTICLES

- Nghị định 100 về QTG
- Nghị định 103/2006 về quyền SHCN và NĐ 122/2010 sửa đổi
- Nghị định 103/2006 về giống cây trồng
- Nghị định 105/2006 và NĐ 119 sửa đổi NĐ 105 về bảo vệ quyền SHTT
- Nghị định 106 về xử phạt hành chính quyền SHCN
- Thông tư 01 /2007 hướng dẫn thi hành NĐ 103/2006 bổ sung bởi Thông tư 13/2010 ngày 30/7/2010 và Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011

Lê Hà - FTU

40

Thank you for the kind attention !
Q&A



Email: hachauftu@yahoo.com
Tel: 0912211178